

Bản án số: 67/2019/HS-ST
Ngày 12-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái;

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chung;

Ông Nguyễn Khắc Anh;

Ông Mã Văn Đầu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Ảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2019/TLST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST-QĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2019/HSST-QĐ ngày 21/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2019/HSST-QĐ ngày 31/10/2019 đối với bị cáo:

Hoàng Thị N, sinh ngày 06/9/1977 tại huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ học vấn: Trung cấp tài chính; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch Việt Nam; con ông Hoàng Thế C và bà Lý Thị C; có chồng là Nguyễn Xuân T và 01 con; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lạng Sơn từ ngày 04/8/2018 đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Bà Lương Thị Kim M, Luật sư Văn phòng Luật sư K, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Phan Tùng L và ông Hà Minh H, Luật sư Công ty luật hợp danh N,

Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1952. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Bà Lê Minh T, sinh năm 1978. Trú tại: Phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1969. Trú tại: Phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Lê Như Q, sinh năm 1978. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Bà Lê Kim A, sinh năm 1976. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Bà Phan Thị D, sinh năm 1979. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Bà Hứa Mai A, sinh năm 1976. Trú tại: Phường Y, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Bà Dương Thanh H, sinh năm 1970. Trú tại: Phường V, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Ông Bùi Duy Q, sinh năm 1983. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

10. Bà Nông Thu H, sinh năm 1976. Trú tại: Phường Y, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

11. Bà Hoàng Lệ T, sinh năm 1969. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

12. Bà Hoàng Kim H, sinh năm 1977. Trú tại: Phường Y, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

13. Bà Trần Thị T, sinh năm 1984. Trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

14. Bà Triệu Thúy H, sinh năm 1979. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

15. Bà Triệu Thu H, sinh năm 1981. Trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Xuân T, có mặt.
2. Ông Nguyễn Đoàn Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 12/7/2018 đến ngày 10/12/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn (PC02) tiếp nhận tố giác tội phạm của 11 người là Nguyễn Thị M, Lê Minh T, Hoàng Văn T, Lê Như Q, Lê Kim A, Lưu Thị Vân A, Phan Thị D, Hứa Mai A, Dương Thanh H, Lê B và Nguyễn Thị Ngọc L về việc bị Hoàng Thị N lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra, xác định: Trước năm 2017, Hoàng Thị N làm thuê bán hàng cho bà Lê Thị H là chủ tiệm vàng X, địa chỉ số: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Trong quá trình bán hàng thuê tại tiệm vàng X, Hoàng Thị N có tham gia kinh doanh riêng trong lĩnh vực mua, bán vàng, ngoại hối và cho vay đáo hạn ngân hàng. Từ đầu năm 2017, mặc dù kinh doanh thua lỗ nhưng Hoàng Thị N tiếp tục đi vay, mượn tiền của nhiều người để bù lỗ, trả nợ các khoản vay trước đó dẫn đến mất khả năng thanh toán các khoản nợ. Khi đi vay tiền, Hoàng Thị N vẫn nói với mọi người là vay để mua bán vàng, ngoại hối, đáo hạn ngân hàng, mở xưởng và buôn bán phụ tùng ô tô, sau đó trực tiếp hoặc nhờ tài khoản của chồng là Nguyễn Xuân T và tài khoản của 04 người khác là Nguyễn Minh N (sinh năm 1978, trú tại: Xã D, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn); Vy Thị Kim L (sinh năm 1975, trú tại: Phường T, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn); Hoàng Thị T (sinh năm 1974, trú tại: Phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) và Phạm Thị Thanh T (sinh năm 1977, trú tại: Phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn) để nhận tiền.

Với hình thức trên, Hoàng Thị N đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại:

Từ ngày 19/3/2018 đến ngày 01/6/2018 chị Nguyễn Thị M đã chuyển tiền cho Hoàng Thị N tổng số tiền là 1.040.000.000 đồng. Trong đó Hoàng Thị N đã trả lại cho chị Nguyễn Thị M 450.000.000 đồng và chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị M số tiền là 590.000.000 đồng.

Từ ngày 23/12/2016 đến ngày 18/6/2019 chị Lê Minh T đã chuyển tiền theo yêu cầu của Hoàng Thị N 40 lần với tổng số tiền là 10.667.950.000 đồng. Sau đó Hoàng Thị N đã vay tiền của người khác để trả nợ cho chị Lê Minh T bằng hình thức chuyển khoản và đưa tiền mặt tổng số tiền là 5.754.300.000 đồng. Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Lê Minh T 4.913.650.000 đồng.

Từ ngày 28/6/2018 đến ngày 29/6/2018 Hoàng Văn T đã chuyển tiền theo yêu cầu của Hoàng Thị N 04 lần với tổng số tiền là 590.000.000 đồng. Hoàng Thị N chưa trả lại cho Hoàng Văn T.

Từ ngày 05/3/2018 Lê Như Q đã cho Hoàng Thị N vay 10 lần với tổng số tiền là 1.945.000.000 đồng. Trong quá trình vay tiền của Lê Như Q, để tạo lòng tin

cho các lần vay khác nhau, Hoàng Thị N đã nhiều lần trả tiền cho Lê Như Q với số tiền là 450.000.000 đồng. Tổng số tiền còn lại Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Lê Như Q là 1.495.000.000 đồng.

Từ tháng 10/2017 đến ngày 01/4/2018 Hoàng Thị N vay và trả tiền cho Lê Kim A nhiều lần nhưng Lê Kim A không ghi chép lại các khoản vay, trả với Hoàng Thị N. Đến ngày 01/4/2018 Hoàng Thị N còn nợ Lê Kim A 6.510.000.000 đồng. Từ ngày 09/4/2019 đến ngày 26/6/2018 Lê Kim A tiếp tục cho Hoàng Thị N vay 13 lần với tổng số tiền là 6.570.000.000 đồng. Để tạo lòng tin và có tiền quay vòng trả nợ, Hoàng Thị N đã vay của nhiều người khác để trả cho Kim Anh 12 lần với tổng số tiền là 7.365.000.000 đồng. Số tiền còn lại Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Lê Kim A là 5.715.000.000 đồng.

Tháng 3/2017 Hoàng Thị N đã đặt vấn đề với Phan Thị D cùng góp vốn làm đảo hạn ngân hàng. Vì tin tưởng nên Phan Thị D đã cho Hoàng Thị N vay nhiều lần bằng tiền mặt và chuyển khoản ngân hàng. Đối với các khoản vay thông qua tài khoản Hoàng Thị N đã trả hết cho Phan Thị D. Từ ngày 05/5/2017 đến ngày 26/6/2018 Phan Thị D đã chuyển cho Hoàng Thị N và một số bị hại tổng số tiền là 3.074.000.000 đồng. Số tiền này Hoàng Thị N chưa trả lại được cho Phan Thị D.

Từ tháng 10/2017 đến tháng 4/2018, Hứa Mai A đã nhiều lần cho Hoàng Thị N vay tiền với tổng số tiền khoảng 1.735.000.000 đồng. Để tạo lòng tin và vay được tiền nhiều lần của Hứa Mai A, Hoàng Thị N đã nhiều lần trả tiền cho Hứa Mai A bằng hình thức đưa trực tiếp hoặc nhờ những bị hại khác chuyển tiền vào tài khoản của Hứa Mai A. Số tiền Hoàng Thị N đã trả cho Hứa Mai A là 1.035.000.000 đồng. Số tiền Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Hứa Mai A là 700.000 đồng.

Ngày 12/6/2018 do cần tiền trả nợ Hoàng Thị N đặt vấn đề để vay nóng với Dương Thanh H 300.000.000 đồng. Sau khi Dương Thanh H chuyển tiền vào tài khoản của Hoàng Thị N và Nguyễn Xuân T (chồng Hoàng Thị N) tổng số tiền 300.000.000 đồng, Hoàng Thị N đã sử dụng số tiền trên để trả nợ cho người khác nhưng không xác định được đã trả cho ai.

Đầu năm 2017, Hoàng Thị N nhiều lần vay tiền của Bùi Duy Q để mua vàng, buôn ngoại tệ, có trả lãi theo thỏa thuận và đã thanh toán đầy đủ cả vốn lẫn lãi cho Bùi Duy Q. Từ tháng 4/2018, do cần tiền trả nợ cho người khác nên Hoàng Thị N tiếp tục vay tiền Bùi Duy Q và nói là để mua vàng, ngoại tệ và đảo hạn ngân hàng nhưng cả hai đều không lưu giữ lại giấy tờ. Hoàng Thị N đã trả nợ cho Bùi Duy Q nhiều lần khác nhau bằng hình thức giao dịch tiền mặt và chuyển khoản ngân hàng. Tính đến cuối tháng 6/2018 Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Bùi Duy Q số tiền 800.000.000 đồng.

Tháng 9/2017, do không có tiền trả nợ, Hoàng Thị N đã vay tiền Nông Thu H để mua nhân dân tệ. Vì tin tưởng Nông Thu H đã cho Hoàng Thị N vay 198.000.000 đồng. Ngày 07/11/2017, Hoàng Thị N đã chuyển và trả nợ cho Nông Thu H số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó Hoàng Thị N tiếp tục vay tiền của Nông Thu H nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản. Tính đến tháng 5/2018 Hoàng Thị

N còn chiếm đoạt của Nông Thu H 230.000.000 đồng.

Do không có tiền quay vòng trả nợ, Hoàng Thị N đã vay tiền của Hoàng Lê T (là chị dâu của Nguyễn Xuân T) để đáo hạn ngân hàng. Vì tin tưởng nên Hoàng Lê T đã cho Hoàng Thị N vay 200.000.000 đồng, sau đó Hoàng Thị N đã trả cho Hoàng Lê T số tiền này và đặt vấn đề vay thêm 02 lần khác với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng.

Từ năm 2017 đến tháng 6/2018 do cần tiền quay vòng trả nợ, Hoàng Thị N đã nhiều lần vay tiền của Hoàng Kim H và nói dối là để kinh doanh, mua bán ngoại tệ và đáo hạn ngân hàng. Vì tin tưởng Hoàng Kim H đã nhiều lần cho Hoàng Thị N vay tiền; Hoàng Thị N cũng đã nhiều lần trả lại cho Hoàng Kim H bằng tiền mặt và chuyển khoản. Sau mỗi lần vay, Hoàng Thị N trả lại cho Hoàng Kim H 3.000.000 - 4.000.000 đồng nói là lợi nhuận làm ăn. Đến tháng 7/2018, tổng số tiền Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Hoàng Kim H là 1.000.000.000 đồng.

Từ tháng 3/2018 do cần tiền để trả nợ người khác Hoàng Thị N đã vay tiền của Trần Thị T nhiều lần và đưa ra mức lãi suất 2000 đồng/1.000.000 đồng/ngày và sau đó vay tiền của nhiều người khác trả lại cho Trần Thị T. Tổng số tiền Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Trần Thị T là 800.000.000 đồng.

Ngày 01/10/2017, Hoàng Thị N vay của Triệu Thúy H số tiền 800.000.000 đồng với lãi suất là 1%/tháng. Sau lần vay trên, Hoàng Thị N tiếp tục đặt vấn đề vay tiền của Triệu Thúy H nhiều lần để tạo lòng tin và đã vay tiền của nhiều người khác để trả cho Triệu Thúy H. Tính đến tháng 6/2018, Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Triệu Thúy H là 600.000.000 đồng.

Ngày 26/7/2017 và ngày 23/4/2018 Hoàng Thị N đã vay của Triệu Thu H 02 lần với số tiền 150.000.000 đồng. Ngày 04/5/2018, Hoàng Thị N đã bảo chồng là Nguyễn Xuân T chuyển trả Triệu Thu H số tiền 60.000.000 đồng trong đó khoản vay gốc là 50.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng là trả lãi của khoản vay 100.000.000 đồng. Tổng số tiền Hoàng Thị N đã chiếm đoạt của Triệu Thu H là 100.000.000 đồng.

Với số tiền vay của các bị hại, Hoàng Thị N không dùng tiền vay được để đáo hạn ngân hàng, mua ngoại tệ nhưng đã nói mà dùng để chi tiêu cá nhân và trả nợ cho các khoản vay khác đến khi mất hoàn toàn khả năng trả nợ, bị phát hiện nên bị cáo đã bỏ trốn.

Tại Cáo trạng số 73/CT-VKS-P3 ngày 03/9/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Hoàng Thị N về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố, xác định bị cáo Hoàng Thị N đã có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tổng số tiền 22.407.650.000 đồng của 15 bị hại. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Thị N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Thị N; xử phạt bị cáo Hoàng Thị N 20 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại Nguyễn Thị M, Lê Minh T, Hoàng Văn T, Lê Như Q, Lê Kim A, Phan Thị D, Hứa Mai A, Dương Thanh H, Bùi Duy Q, Nông Thu H, Hoàng Kim H, Trần Thị T, Triệu Thúy H, Triệu Thu H số tiền bị cáo đã chiếm đoạt. Bị hại Hoàng Lệ T không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã chiếm đoạt nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại thu giữ của bị cáo do bị cáo sử dụng điện thoại này làm phương tiện liên lạc để lừa đảo các bị hại.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị N thừa nhận hành vi phạm tội và chấp nhận số liệu như bản Cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Người bào chữa cho bị cáo ông Phan Tùng L và ông Hà Minh H cho rằng: Tuy không được cấp phép nhưng qua những lần vay mượn, bị cáo đã thực hiện mua bán ngoại tệ và đáo hạn ngân hàng, có những khoản tiền bị cáo, Phan Thị D và Nguyễn Đoàn Đ thực hiện mua bán ngoại tệ là có thực và đã được tất toán. Bị cáo đã khai báo rõ sau mỗi lần kinh doanh đều có trả tiền cho các bị hại, chính vì thế các bị hại mới tin tưởng và tiếp tục cho bị cáo vay tiền. Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai báo về việc bản thân đã chuyển tiền làm ăn với người khác nhưng đã bị lừa, Cơ quan điều tra không làm rõ việc có hay không việc bị cáo đã chuyển và bị lừa số tiền đó để bị cáo có thể lấy lại và trả cho các bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra làm rõ phần tiền nào bị cáo chiếm đoạt, phần tiền nào bị cáo sử dụng kinh doanh.

Tại Bản luận cứ bào chữa, Luật sư Lương Thị Kim M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo và xử phạt bị cáo mức án phù hợp để bị cáo có cơ hội trở về với gia đình và xã hội và khắc phục hậu quả cho các bị hại.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa và các bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt là Hứa Mai A, Dương Thanh H, Hoàng Kim H, Trần Thị T, Triệu Thúy H, Triệu Thu H, Nguyễn Thị M, Bùi Duy Q, Trần Thị Dung, Nông Thu H đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, tương xứng với hậu quả mà bị cáo gây ra và yêu cầu bị cáo phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại. Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại Hoàng Lệ T không yêu cầu lấy lại số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Hoàng Thị N có lời xin lỗi đến những bị hại và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ đầu năm 2017 đến tháng 7/2018, do kinh doanh thua lỗ và không có tiền để trả các khoản nợ đến hạn nên Hoàng Thị N đã có thủ đoạn gian dối đưa thông tin không đúng sự thật khi vay mượn tiền của nhiều người trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nói là để kinh doanh, làm đảo lộn ngân hàng, mua, bán vàng, kinh doanh ngoại tệ, đầu tư mở cửa hàng mua bán phụ tùng, xưởng sửa chữa ô tô. Sau khi đã nhận tiền vay, Hoàng Thị N đã sử dụng để quay vòng trả nợ, lãi, chi tiêu cá nhân, sử dụng số tiền vay được để trả nợ cho chính người mình đã vay, mượn hoặc chia lợi nhuận ảo cho đến khi mất hoàn toàn khả năng trả nợ, bị phát hiện thì bỏ trốn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định Hoàng Thị N đã chiếm đoạt tài sản của các bị hại Nguyễn Thị M, Lê Minh T, Hoàng Văn T, Lê Như Q, Lê Kim A, Phan Thị D, Hứa Mai A, Dương Thanh H, Bùi Duy Q, Nông Thu H, Hoàng Lê T, Hoàng Kim H, Trần Thị T, Triệu Thúy H và Triệu Thu H với tổng số tiền là 22.407.650.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Hoàng Thị N về Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Thị N thực hiện là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều gia đình và gây mất trật tự xã hội tại địa phương.

[4] Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo Hoàng Thị N là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Thị N đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có bố đẻ là ông Hoàng Thế C được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, Huân chương chiến sỹ vẻ vang và là thương binh hạng 3/4. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Thị N thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần của nhiều người, lần chiếm đoạt số tiền ít nhất là 50.000.000 đồng, lần nhiều nhất là 1.200.000.000 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ quyết định mức hình phạt tương xứng, bảo đảm tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra xác định bị cáo không có tài sản; bản thân bị cáo cũng chưa bồi thường được cho những người bị hại. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa các bị hại Lê Minh T, Hoàng Văn T, Lê Như Q, Lê Kim A, các bị hại vắng mặt là Nguyễn Thị M, Hứa Mai A, Bùi Duy Q, Dương Thanh H, Hoàng Kim H, Phan Thị D, Nông Thu H, Trần Thị T, Triệu Thúy H, Triệu Thu H đều yêu cầu bị cáo Hoàng Thị N phải bồi thường thiệt hại. Xét thấy bị cáo đã chiếm đoạt của: Bà Nguyễn Thị M số tiền 590.000.000 đồng; bà Lê Minh T số tiền 4.913.650.000 đồng; ông Hoàng Văn T số tiền 590.000.000 đồng; bà Lê Như Q số tiền 1.495.000.000 đồng; bà Lê Kim A số tiền 5.715.000.000 đồng; bà Phan Thị D số tiền 3.074.000.000 đồng; bà Hứa Mai A số tiền 700.000.000 đồng; bà Dương Thanh H số tiền 300.000.000 đồng; ông Bùi Duy Q số tiền 800.000.000 đồng; bà Nông Thu H số tiền 230.000.000 đồng; bà Hoàng Kim H số tiền 1.000.000.000 đồng; bà Trần Thị T số tiền 800.000.000 đồng; bà Triệu Thúy H số tiền 600.000.000 đồng, bà Triệu Thu H số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường có các bị hại trên với tổng số tiền là 20.907.650.000 đồng. Đối với bị hại Hoàng Lê T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: 01 điện thoại thu giữ của bị cáo Hoàng Thị N là phương tiện bị cáo sử dụng liên lạc với các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, sung quỹ Nhà nước.

[11] Từ những phân tích trên thấy rằng cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về phân hình phạt chính đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung do phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Về đề nghị của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp nên không được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị N bị kết án, do đó bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Hoàng Thị N có nghĩa vụ bồi thường cho các bị hại tổng số tiền là 20.907.650.000 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 128.907.650 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 21, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Bị cáo, bị hại, có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 585; khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 3 Điều 21; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Thị N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị N 20 (hai mươi) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04-8-2018.

2. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Hoàng Thị N bồi thường cho bị hại Bà Nguyễn Thị M số tiền 590.000.000 đồng; bà Lê Minh T số tiền 4.913.650.000 đồng; ông Hoàng Văn T số tiền 590.000.000 đồng; bà Lê Như Q số tiền 1.495.000.000 đồng; bà Lê Kim A số tiền 5.715.000.000 đồng; bà Phan Thị D số tiền 3.074.000.000 đồng; bà Hứa Mai A số tiền 700.000.000 đồng; bà Dương Thanh H số tiền 300.000.000 đồng; ông Bùi Duy Q số tiền 800.000.000 đồng; bà Nông Thu H số tiền 230.000.000 đồng; bà Hoàng Kim H số tiền 1.000.000.000 đồng; bà Trần Thị T số tiền 800.000.000 đồng; bà Triệu Thúy H số tiền 600.000.000 đồng, bà Triệu Thu H số tiền 100.000.000 đồng.

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì phải trả lãi với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy J7 màu vàng, số IMEI:359752072475984/01, số IMEI2: 359753072475982/01.

(Vật chứng trên đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03-9-2019).

4. Án phí: Bị cáo Hoàng Thị N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 128.907. 650 đồng (một trăm hai mươi tám triệu chín trăm linh bảy nghìn sáu trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được Bản án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp Lạng Sơn;
- Phòng PV06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo (trại tạm giam);
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV & THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái